

THÔNG TIN – DIỄN ĐÀN

ĐẾN GẦN HƠN VỚI TIẾNG VIỆT VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM: Ý TƯỞNG THIẾT KẾ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC TIẾNG VIỆT TRỰC TUYẾN QUA TRÒ CHƠI THỰC TẾ ẢO – “AI LAI VIETNAM – I LIKE VIETNAM”

Trần Thị Minh*, Gregor Gawellek**

Nhận bài: 03/08/2022; Nhận kết quả bình duyệt: 12/12/2022; Chấp nhận đăng: 15/01/2023

©2023 Trường Đại học Thăng Long

Tóm tắt:

Bài báo này giới thiệu một ý tưởng mới nhằm làm cho việc giảng dạy tiếng Việt trở nên hiện đại, nhân văn và thú vị. Một thực tế là ngày nay, việc giao lưu giữa các nước dù đã dễ dàng hơn rất nhiều song nhiều người học tiếng Việt vẫn thiếu cơ hội để được tiếp xúc nhiều với tiếng Việt, với đời sống và văn hóa Việt Nam. Để giải quyết vấn đề này, trường học từ xa – trường học trực tuyến – chính là một giải pháp rất kịp thời, có thể giúp khắc phục tình trạng thiếu hụt người dạy có chất lượng và chương trình đơn điệu. Tuy nhiên, nhiều chương trình dạy học trực tuyến đóng gói sẵn hiện nay về cơ bản kỹ thuật vẫn mang tính tương tác một chiều, nội dung còn khuôn mẫu. Với phương châm “học phải có hành”, “học mà chơi”, nhóm nghiên cứu đề xuất ý tưởng về một chương trình dạy học Tiếng Việt ẩn trong những trò chơi phiêu lưu kì thú để khám phá văn hóa và cuộc sống Việt Nam phù hợp với nhu cầu cụ thể của người học. Trong những trò chơi này, công nghệ thực tế ảo sẽ hỗ trợ người chơi hòa nhập vào không gian và thực hành văn hóa ngôn ngữ Việt một cách tự nhiên và sinh động hơn. Đặc biệt, chương trình sẽ có sự tích hợp giao tiếp tự động giữa người học và hệ thống quản lí thông tin nhưng cũng có không gian giao tiếp thực giữa người học và người hướng dẫn khi có lịch hẹn hoặc khi được yêu cầu, ngoài ra còn có không gian giao tiếp dành cho những người cùng theo học tiếng Việt. Chương trình không chỉ cung cấp các kĩ năng ngôn ngữ, kiến thức văn hóa, xã hội mà còn hướng đến những giá trị đạo đức của con người. Ý tưởng này vì thế có thể mang lại những đóng góp thiết thực cho việc đổi mới phương pháp dạy và học tiếng Việt như một ngoại ngữ nói riêng và các ngôn ngữ khác nói chung.

Từ khóa: tiếng Việt; văn hóa Việt Nam; thực tế ảo; chương trình dạy học; trực tuyến

* Đại học Nguyễn Tất Thành, Việt Nam

**Đại học Hamburg, Cộng hòa Liên bang Đức

1. Dạy và học tiếng Việt không phải là tiếng mẹ đẻ

1.1. Cơ hội và thách thức trong dạy và học tiếng Việt không phải là tiếng mẹ đẻ

Toàn cầu hóa đưa các nền văn hóa xích lại gần nhau thì tiếng Việt và văn hóa Việt cũng được các nước trên thế giới quan tâm nhiều hơn. Do đó, nhu cầu học tiếng Việt như một ngoại ngữ để phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau như công việc, kết hôn, giao lưu, giải trí... càng ngày càng cao.

Hiện nay, số lượng người Việt ở nước ngoài cũng ngày càng tăng, theo đó nhu cầu tự học và tìm hiểu Tiếng Việt, đồng thời truyền lại tiếng Việt như một ngôn ngữ “di sản”^{*} của cha mẹ, ông bà mình cũng tăng cao hơn trước.

Trong khi đó, ở Việt Nam - chính nơi tiếng Việt là ngôn ngữ mẹ đẻ, trong xu hướng quốc tế hóa giáo dục,

tiếng Việt tại các trường quốc tế lại chỉ được dạy như một ngoại ngữ. Trong các trường mà ngôn ngữ giảng dạy chính là tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức, trẻ em sử dụng tiếng Việt còn khó khăn hơn nhiều so với các ngôn ngữ của nhà trường.

Sự phổ biến của tiếng Việt như một ngoại ngữ[†] cũng có thể nhìn thấy thông qua việc tổ chức các khóa học tiếng Việt ở các trung tâm, trường học và trên internet. Các trang web giáo dục trực tuyến như Duolingo và Memrise cũng đã cung cấp khóa học tiếng Việt như một ngoại ngữ cho cộng đồng người học trên toàn cầu. Tuy nhiên, do không có số liệu chính thức và do sự phát triển nhanh chóng của việc học tiếng Việt như một ngoại ngữ, không thể xác định chính xác số lượng người học hiện nay.

^{*} Thuật ngữ “ngôn ngữ di sản”: Thuật ngữ này xuất hiện trong nghiên cứu giáo dục để chỉ sự thụ đắc các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh và tiếng Pháp của sinh viên song ngữ tại Canada vào thập niên 70 của thế kỷ XX. Sau này, vào cuối thập niên 90, thuật ngữ này được sử dụng rộng rãi tại Hoa Kỳ để chỉ các ngôn ngữ văn hóa dân tộc (Cummins, 1983, tr.7; Cummins, 2005, tr. 585). Ngôn ngữ học di sản bao gồm các ngôn ngữ của người nhập cư (tiếng Đức của cộng đồng người Đức tại Hoa Kỳ, tiếng Việt của cộng đồng người Việt tại Đức); ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số (tiếng Basque ở Tây Ban Nha, tiếng Hmong ở Việt Nam); ngôn ngữ thổ dân (Navajo tại Mỹ, Dyirbal tại Úc). Một cách cụ thể, Rothman (2009, tr. 156) đã định nghĩa ngôn ngữ di sản như sau:

Một ngôn ngữ được coi như là ngôn ngữ di sản nếu ngôn ngữ đó được dùng để nói trong sinh hoạt ở gia đình hoặc được tiếp xúc khi còn nhỏ và đó không

phải là ngôn ngữ phổ biến mà cộng đồng rộng lớn đó sử dụng. Giống như việc thụ đắc ngôn ngữ đầu tiên trong xã hội đơn ngữ và việc thụ đắc hai hoặc nhiều ngôn ngữ hơn trong các xã hội đa ngữ/đa văn hóa, ngôn ngữ di sản được thụ đắc nhờ vào quá trình giao tiếp thông qua quá trình tiếp nhận một cách tự nhiên như một cơ chế bẩm sinh. Tuy nhiên, sự khác biệt là, có khả năng số lượng và chất lượng liên quan đến đầu vào của ngôn ngữ di sản, ảnh hưởng của ngôn ngữ hành chính, sự khác biệt về đọc viết và giáo dục chính thống. Những sự khác biệt đó có thể dẫn đến kết quả là ở trên bề mặt, dường như sự phát triển của ngôn ngữ di sản bị chặn lại hoặc hao mòn trên hành trình lớn nên của những người song ngữ/đa ngữ. (... lớn lên hay lớn nên? Nếu là nên thì không rõ nghĩa thế nào)

[†] Tiếng Việt như một ngoại ngữ: Được dùng trong bài báo này với ý nghĩa tổng hợp của các tên gọi: ngôn ngữ thứ hai, ngôn ngữ di sản, ngoại ngữ.

Nói như vậy để thấy rằng việc dạy và học tiếng Việt như một ngoại ngữ hiện nay có một lượng học viên lớn, cần phải được quan tâm đúng mức về chất lượng. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực đổi mới về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học (các trang web giáo dục trực tuyến như Duolingo, Memrise đã cung cấp khóa học tiếng Việt; một số nền tảng kết nối người dạy và người học trực tuyến như Preply, Verbling, Verbalplanet, Udemy; những bài học đóng gói sẵn trực tuyến của Vietnamese 123, LingoHut, Duolingo; các bài dạy tiếng Việt trên youtube) và đổi mới phương pháp dạy học (sử dụng bài hát trong giảng dạy, sử dụng phim trong giảng dạy, áp dụng phương pháp dạy học giao tiếp liên văn hóa, phương pháp dạy học dự án, lớp học đảo ngược, ...), việc dạy và học tiếng Việt như một ngoại ngữ nhìn chung vẫn còn vẫn còn nhiều bất cập. Có thể thấy rõ một số vấn đề tồn tại sau đây:

Tài liệu giảng dạy hạn chế

Một trong những thách thức lớn của việc dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ di sản là sự thiếu hụt tài liệu giảng dạy phong phú và phù hợp (Lê Văn Lợi, 2021). Tuy những năm trở lại đây, đã có thêm một số giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài song chỉ mới có bộ giáo trình do Đoàn Thiệt Thuật chủ biên (A1, A2, B, C) và bộ giáo trình do Nguyễn Văn Huệ chủ biên (6 cuốn) có thể gọi là những giáo trình tương đối đầy đủ và được sử dụng nhiều. Tuy vậy, có thể nói các giáo trình

dạy tiếng Việt hiện nay vẫn chưa đạt đến sự cập nhật và hiện đại. Điều này có thể gây khó khăn cho giảng viên và học viên khi cố gắng tìm kiếm tài liệu thích hợp để học và giảng dạy. Phần lớn giáo viên và học viên các trường khi được hỏi về những khó khăn trong việc dạy và học tiếng Việt đều chia sẻ chung những băn khoăn này.

Thiếu nguồn nhân lực chất lượng

Việc tìm kiếm giảng viên vừa có trình độ chuyên môn cao vừa có khả năng giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ cũng là một thách thức không nhỏ hiện nay. Người có trình độ tiếng Việt và kiến thức văn hóa tốt phải được kết hợp với kỹ năng giảng dạy ở trình độ cao mới có thể đảm bảo việc dạy học diễn ra một cách hiệu quả. Nhưng do người học ngày càng đông trong khi người dạy thì chủ yếu vẫn là nghiệp dư, trình độ sư phạm, kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, kiến thức ngôn ngữ và văn hóa Việt còn hạn chế nên tình trạng người học cảm thấy chưa có hứng khởi, chưa cảm thấy được thỏa mãn còn là phổ biến. Học viên Hàn Quốc ở một trong những trường được gọi là coi trọng học tiếng Việt nhất vẫn chia sẻ với chúng tôi về việc không có cơ hội giao lưu, trò chuyện và chia sẻ với giáo viên bởi giáo viên không đủ khả năng sử dụng ngoại ngữ thành thạo. Hơn nữa, nhiều môn học các em muốn được học sâu cũng không được giảng dạy do thiếu hụt nhân sự làm chương trình và giảng dạy.

Gia đình và xã hội không hỗ trợ đầy đủ

Trong trường hợp việc học tiếng Việt như một ngôn ngữ di sản, một thách thức khác là thiếu sự hỗ trợ từ gia đình và xã hội. Những gia đình quan tâm tới việc duy trì tiếng Việt và văn hóa Việt Nam cho thế hệ kế tiếp vẫn chỉ là số ít trong khi nhiều gia đình do bận rộn đi làm từ sáng sớm cho tới tối mịt lại không có điều kiện quan tâm tới việc sử dụng tiếng Việt của con cái. Vì thế nhiều bạn trẻ chỉ có thể nghe hiểu hạn chế, thậm chí nhiều người còn không biết tiếng Việt nữa.

Mặt khác, chỉ ở các thành phố mà người Việt sinh sống đông đúc lại có đội ngũ người Việt nhiệt tình mới có thể tổ chức được các lớp học tiếng Việt trong nhà trường, nhà thờ hoặc nhà chùa. Những nơi cư dân thưa thớt, tiếng Việt hầu như chỉ được học tại nhà nếu bố mẹ có sự quan tâm nhất định. Một số chính quyền nước sở tại có quan tâm đến vấn đề phát triển tiếng Việt cho người gốc Việt nhưng không nhiều, trong khi nhà nước Việt Nam thì chỉ có thể đưa ra sách lược cho vấn đề này ở mức độ vĩ mô. Chính vì thế mà việc gìn giữ tiếng Việt đối với thế hệ trẻ người Việt tại hải ngoại còn gặp khá nhiều khó khăn (Trần Thị Minh, 2019).

Thiếu môi trường thực hành

Người học tiếng Việt như một ngoại ngữ bên ngoài Việt Nam cũng gặp một vấn đề nữa là thiếu môi trường để thực hành. Trên thực tế, có nhiều sinh viên nước ngoài học tiếng Việt 4 năm nhưng khi sang Việt Nam lại giao tiếp rất khó khăn với người Việt. Khi được phỏng vấn, sinh viên Lee* có nói rằng ở chỗ em học không có cơ hội giao tiếp nhiều, khả năng nói tiếng Anh và tiếng Hàn của các giáo viên hạn chế nên không giải thích được nhiều nội dung cho học sinh, hơn nữa nhiều môn học các em thấy cần thiết như dịch thuật, giao thoa văn hóa, ... thì lại không được học.

Còn các học sinh học tiếng Việt như một ngôn ngữ di sản vì mong muốn được đến gần hơn với ngôn ngữ và văn hóa cội nguồn thì lại chia sẻ về việc thiếu hụt cơ hội để thực hành kỹ năng nói và viết. Tuy các kỹ năng nghe hiểu của các bạn tương đối tốt nhưng các kỹ năng nói, đọc, viết thì còn nhiều vấn đề do thiếu môi trường thực hành.†

Từ đó, các chương trình và lớp học trực tuyến ra đời như một giải pháp cho những thiếu hụt về nguồn lực, nhân lực nói trên. Phần 1.2 sau đây sẽ điếm qua một số đặc điểm của các chương trình dạy học trực tuyến hiện nay.

* Tên đã được thay đổi (ẩn danh), trò chuyện trực tiếp tại Hà Nội, Việt Nam vào tháng 03.2023.

† Trò chuyện cùng 5 sinh viên học lớp Tiếng Việt (20 – 35 tuổi) vui vẻ từ tháng 10.2020 đến tháng 12.2022

1.2. **Dạy học tiếng Việt trực tuyến**

Để có thể giải quyết được vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực, thiếu hụt môi trường và cơ hội tương tác bằng tiếng Việt cho người học, việc dạy và học tiếng Việt trực tuyến ra đời như một hệ quả tất yếu. Về tổng quan, có thể liệt kê một số ưu điểm của việc dạy học trực tuyến như sau:

Tiện lợi và linh hoạt: Việc học trực tuyến cho phép học viên tham gia vào các khóa học tiếng Việt từ bất kì đâu, mà không cần phải di chuyển đến các trung tâm giảng dạy truyền thống. Học viên có thể tham gia vào các buổi học trực tuyến theo lịch trình linh hoạt, tận dụng được thời gian của mình một cách hiệu quả.

Truy cập đa dạng tài liệu: Học viên có thể tiếp cận với nhiều tài liệu giảng dạy, sách giáo trình, bài giảng và bài tập. Nhiều nền tảng học trực tuyến cung cấp các tài liệu học tương tác đa phương tiện, giúp học viên hiểu sâu hơn và thực hành tiếng Việt một cách đa dạng hơn.

Tương tác và phản hồi: Mặc dù không được gặp trực tiếp giáo viên nhưng hiện nay với các nền tảng số hiện đại, người học có thể giao tiếp trực tiếp với người dạy một cách khá dễ dàng. Điều quan trọng là người học có thể lựa chọn rất nhiều giáo viên ở các vùng miền khác nhau, có trình độ, có phong cách khác nhau, sao cho phù hợp nhất với nhu cầu của mình.

Môi trường học tập đa văn hóa: Học viên có cơ hội giao lưu với học viên đến từ khắp nơi trên thế giới, tạo ra môi trường học tập đa văn hóa, quốc tế hóa, giúp học viên có được cơ hội không chỉ học tiếng Việt và văn hóa Việt Nam mà còn được tiếp cận những góc nhìn khác nhau từ các học viên đến từ những nền văn hóa khác.

Dù có những ưu điểm nhất định, việc dạy học tiếng Việt và văn hóa Việt Nam trực tuyến hiện nay vẫn thuần túy theo hai hướng sau: (1) cung cấp các bài học trực tuyến, người học tự học theo nội dung có sẵn (youtube, Duolingo); (2) giáo viên dạy trực tiếp trên các nền tảng kết nối như zoom, google meet hoặc các nền tảng do công ty tạo ra (Horami). Cả hai hình thức này tuy đã có những tiến bộ trong việc khắc phục những thiếu hụt nguồn tài liệu, nhân lực nhưng vẫn chưa hoàn toàn mới mẻ và hấp dẫn về mặt nội dung, trong khi vấn đề cải tiến về nội dung và phương thức giảng dạy nhằm làm cho người học cảm thấy hứng thú với việc học mới là điều mấu chốt.

Hiện nay, công nghệ đã phát triển vượt bậc. Từ trò chơi thực tế ảo Pokemon Go gây sốt toàn cầu cách đây một thập niên, công nghệ thực tế ảo đã ngày càng phát triển sâu rộng. Game hóa trong dạy và học thông qua việc thực hiện các trò chơi, trải qua các thử thách trong các cuộc phiêu lưu (adventure game) đã trở thành phương pháp dạy học khá phổ biến trong nhiều phần mềm dạy tiếng Anh và các ngôn

ngữ phổ biến khác. Mặc dù vậy, với tiếng Việt, một sản phẩm dạy học game hóa, tương tác đa chiều hiện nay vẫn chưa được phát triển đồng bộ. “I lai Vietnam” ra đời chính là một ý tưởng tích hợp các ưu điểm khác nhau của việc dạy học thông qua trò chơi, qua thực hành với các kênh tương tác phong phú và đa dạng nhằm khắc phục các nhược điểm của những cách dạy trực tuyến vừa nêu trên.

2. Cá nhân hóa người học và ứng dụng thực tế ảo (virtual reality - VR) trong dạy học

2.1. Cá nhân hóa dạy học

Những năm từ 1997 đến nay nổ ra một cuộc tranh luận giữa các nhà nghiên cứu thuộc hai trường phái ngôn ngữ học tâm lí (psychologie linguistics) và ngôn ngữ học xã hội (social linguistics). Các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học tâm lí chủ yếu coi trọng quá trình nhận thức và cho rằng cơ chế nhận thức ngôn ngữ là tương đồng. Vì thế, đến thời điểm đó, trong các nghiên cứu về thụ đắc ngôn ngữ thứ hai, những đặc điểm cá nhân chỉ được coi là các dữ kiện bên lề. Trong khi đó, những điểm tương đồng của người học và việc nhìn nhận quá trình học ngôn ngữ như là các đặc tính chung, phổ quát được coi trọng và là những gợi ý để xây dựng các phương pháp giảng dạy (Nizegorodcew and Pawlak 20, xx).

Những năm từ 2005 trở lại đây, các nhà khoa học tập trung khai thác những khác biệt mang tính cá nhân của người

học trong việc học ngôn ngữ. Dörnyei and Skehan (2003), Ehrman et al. (2003), Gass and Selinker (2008) là những người bắt đầu đề cao sự khác biệt cá nhân trong dạy học. Dörnyei and Skehan (2003) đã tập trung nghiên cứu các yếu tố mà họ cho là có ảnh hưởng đến sự thành công trong học ngôn ngữ thứ hai như *năng khiếu, kiểu/phong cách tư duy và học tập, chiến lược và động lực học tập*. Ehrman et al. (2003) lại thảo luận về kiểu/phong cách học tập, chiến lược học tập và các yếu tố ảnh hưởng tích cực khác. Cùng theo xu hướng đó, Gass and Selinker (2008) thảo luận về các yếu tố mang tính cá nhân ngoài ngôn ngữ như *khoảng cách xã hội, tuổi tác, năng khiếu, động lực, tính cách, phong cách và chiến lược học tập*.

Nizegorodcew and Pawlaw (2012) thì cho rằng việc tập trung vào những khác biệt cá nhân của người học là quan trọng, nhưng một vấn đề khác cũng quan trọng không kém là đặc điểm khác biệt của người dạy cũng cần được nghiên cứu nghiêm túc. Người dạy ngoại ngữ đa số không phải là người bản xứ và nếu có là người bản xứ thì các kiến thức nền tảng cũng như sở thích, thói quen của họ cũng không giống nhau. Vì vậy, việc nghiên cứu về sự khác biệt của người dạy cũng như việc cá nhân hóa người dạy cần phải được tăng cường hơn nữa.

Cả cá nhân hóa người học và cá nhân hóa người dạy đều có thể gọi là quá trình cá nhân hóa việc dạy học.

Cá nhân hóa dạy học là quá trình tùy chỉnh phương pháp giảng dạy và nội dung học tập để đáp ứng nhu cầu và khả năng riêng của từng học viên. Điều này nhằm tạo ra một môi trường học tập tốt nhất cho mỗi cá nhân, đảm bảo rằng họ có thể tiến bộ và phát triển tối đa (Hattie and Zierer - 2018)

Dựa vào quan điểm của Nizegorodcew, Ann & Pawlak, Mirosław (xx), chúng tôi cho rằng việc cá nhân hóa người dạy, đa dạng hóa nguồn lực giảng dạy, để tạo ra nhiều lựa chọn, kết hợp sao cho phù hợp và hiệu quả giữa người dạy và người học là việc làm cần thiết.

Cá nhân hóa dạy học có thể được thực hiện bằng cách áp dụng các phương pháp và kỹ thuật khác nhau, bao gồm:

Đánh giá năng lực và nhu cầu: Để cá nhân hóa quá trình dạy học, giáo viên cần đánh giá khả năng và nhu cầu học tập của từng học viên. Điều này có thể được thực hiện thông qua các bài kiểm tra, phỏng vấn hoặc quan sát để hiểu rõ hơn về trình độ hiện tại, mục tiêu học tập và phong cách học của học viên.

Tạo ra kế hoạch học tập cá nhân: Dựa trên đánh giá, giáo viên có thể tạo ra kế hoạch học tập cá nhân cho từng học viên. Kế hoạch này có thể bao gồm mục tiêu học tập cụ thể, các hoạt động

và tài liệu phù hợp để đạt được mục tiêu đó.

Sử dụng phương pháp giảng dạy đa dạng: Cá nhân hóa dạy học cũng liên quan đến việc sử dụng phương pháp giảng dạy đa dạng để phù hợp với từng học viên. Giáo viên có thể áp dụng các phương pháp như thảo luận nhóm, thực hành thực tế, trò chơi giáo dục hoặc sử dụng công nghệ trong quá trình giảng dạy để kích thích sự tương tác và tăng cường sự tham gia của học viên.

Cung cấp phản hồi và hướng dẫn cá nhân: Giáo viên có vai trò quan trọng trong việc cung cấp phản hồi và hướng dẫn cá nhân cho từng học viên. Phản hồi và hướng dẫn này phải tập trung vào điểm mạnh và yếu của học viên, nhằm khuyến khích và hỗ trợ họ trong quá trình học tập.

Trong nghiên cứu về games và việc đào tạo theo nhóm, đào tạo cá nhân, Oneil et al. (2008), các chương trình trò chơi đều có thể hướng dẫn phát triển các kỹ năng đội, nhóm hoặc các kỹ năng cá nhân, trong đó, tình trạng thực hiện công việc (workload) và cách biểu hiện (performance) của người chơi được đánh giá bằng các công cụ khác nhau.

Cá nhân hóa dạy học là một phương pháp quan trọng giúp đáp ứng nhu cầu đa dạng của học viên và đảm bảo rằng họ có thể tiến bộ và đạt được thành công trong việc học tập. “I lai Vietnam” hướng đến việc cá nhân hóa người học bằng cách cung cấp nội dung và phương pháp học tập đa dạng để người học có thể tự mình chọn những phần

nội dung tương thích với mỗi quan tâm, nhu cầu và năng lực của bản thân. Tất nhiên, việc lựa chọn đó có sự can thiệp của quá trình đánh giá kỹ năng một cách bài bản.

2.2. Ứng dụng thực tế ảo trong dạy học

Thực tế ảo là công nghệ có thể giúp con người "cảm nhận" không gian mô phỏng nhờ vào một loại kính nhìn 3 chiều. Môi trường 3D ảo này thường được tạo ra và điều khiển bởi một hệ thống máy tính cấu hình cao (Pan et al. 2006). Đặc biệt, không chỉ thể hiện hình ảnh sống động, một số hệ thống VR còn cho phép mô phỏng âm thanh và mùi khá chân thực.

Thực tế ảo (Virtual Reality - VR) là một công nghệ đã được áp dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống để tiết kiệm thời gian, rút ngắn không gian, thời gian và giảm bớt rủi ro, đồng thời hấp dẫn người sử dụng, chẳng hạn như đang được quan sát các đồ vật, trải nghiệm các hoạt động giống như trong thế giới thật liên quan tới nhiều lĩnh vực - khoa học vũ trụ, điều trị tâm lý, bán hàng, du lịch, ...Chẳng hạn, thực tế ảo đã giúp cho ngành du lịch phát triển vượt trội, người muốn du lịch có thể quan sát thế giới qua lăng kính này nếu chưa hoặc không có điều kiện đi đến những nơi mình muốn đến. Điều này cũng hỗ trợ phát triển bền vững cho du lịch trong điều kiện việc đi lại và hủy hoại môi trường đang diễn ra

khá thường xuyên ở các tuyến du lịch thực (Dewailly, 2007).

Công nghệ thực tế ảo cũng đang được áp dụng ngày càng phổ biến trong lĩnh vực dạy học. Việc sử dụng thực tế ảo trong quá trình giảng dạy và học tập mang lại nhiều lợi ích và ứng dụng thực tế cho học viên. Dưới đây là một số đặc điểm của thực tế ảo trong dạy học (Merchant et al, 2014):

Trải nghiệm học tập tương tác: Thực tế ảo cho phép học viên tương tác với môi trường học tập ảo và trải nghiệm học tập một cách thực tế. Họ có thể tham gia vào các hoạt động, tương tác với các đối tượng ảo và thực hiện các tác vụ học tập một cách thực tế. Ví dụ, học viên có thể tham gia vào một bài học về lịch sử và đi "trở về thời điểm" đó thông qua một trải nghiệm VR, giúp họ hiểu và ghi nhớ kiến thức một cách rõ ràng hơn.

Tạo môi trường học tập thực tế: Thực tế ảo giúp tạo ra môi trường học tập ảo chân thực và sinh động. Học viên có thể tham gia vào các tình huống thực tế và áp dụng kiến thức của mình để giải quyết các vấn đề hoặc thực hiện các nhiệm vụ. Ví dụ, học viên có thể thực hành kỹ năng giao tiếp trong một môi trường ảo và nhận phản hồi tức thì từ giảng viên hoặc từ hệ thống VR. Nó có thể được sử dụng để cung cấp cho người học một môi trường ảo - nơi họ có thể phát triển các kỹ năng của mình mà không phải chịu hậu quả trong thế giới thực. Chính về thế, thực tế ảo được

áp dụng rộng rãi trong việc dạy các môn học như giải phẫu, quân sự, đào tạo phi hành gia, đào tạo thợ mỏ, ...

Khám phá và trải nghiệm mới: Thực tế ảo mở ra những khả năng trải nghiệm mới cho học viên. Họ có thể khám phá những địa điểm, môi trường hoặc sự kiện mà không cần đến đó một cách vật lý. Ví dụ, học viên có thể tham quan các di tích lịch sử, khám phá vũ trụ hay trải nghiệm các nền văn hóa khác nhau thông qua trải nghiệm VR.

Học tập đa ngôn ngữ: Thực tế ảo cung cấp khả năng học tập đa ngôn ngữ, hỗ trợ học viên trong việc nắm bắt và thực hành những ngôn ngữ mới. Họ có thể tương tác với các đối tượng, người nói và môi trường ảo bằng ngôn ngữ mà họ đang học, giúp cải thiện kỹ năng ngôn ngữ của mình.

Ứng dụng thực tế ảo trong dạy học đem lại sự tương tác, tham gia và thực hành đa chiều cho học viên. Nó mở ra những cánh cửa mới trong việc tăng cường trải nghiệm học tập và khám phá kiến thức nói chung.

Tại Việt Nam hiện nay, những trường đại học hiện đại cũng bắt đầu quan tâm tới việc áp dụng thực tế ảo trong giảng dạy. Đại học Vin đã và đang tiến hành nghiên cứu và thử nghiệm việc dạy giao tiếp thông qua thực tế ảo: "*Like I'm There: Enhancing communication soft skills with Virtual Reality*". Nghiên cứu về việc dạy

chương trình tiếng Việt bằng sử dụng công nghệ thực tế ảo "I lai Vietnam" cũng gặp gỡ định hướng phát triển này.

3. "I lai Vietnam" – giải pháp công nghệ cho việc tiếp cận ngôn ngữ văn hóa Việt Nam

3.1. Tên gọi "I lai Vietnam"

"Lai" với nghĩa động từ trong Từ điển tiếng Việt, Hoàng Phê (2004) được định nghĩa là: "Cho giao phối giống con đực và con cái thuộc giống khác nhau, hoặc ghép giống cây này trên giống cây khác, hay là dùng biện pháp thụ tinh, giao phấn nhân tạo nhằm tạo ra một giống mới." (Hoàng Phê, 2004, tr.536). Nghĩa của tính từ "lai" được dùng để chỉ những người sinh ra từ cha mẹ thuộc dân tộc khác nhau hay được tạo ra bằng lai giống như *con lai, lợn lai, táo lai*.

Trong tên gọi của chương trình này, *lai* là động từ chỉ trạng thái pha trộn giữa các nền văn hóa khác nhau của chủ thể "tôi". Việc học một ngôn ngữ mới, tiếp cận một nền văn hóa mới sẽ mang lại những trải nghiệm mới, những cảm xúc mới. Người học khi làm quen với tiếng Việt, văn hóa Việt, hòa nhập vào đó có thể thấy mình mang một phần Việt Nam nên nói "I lai Vietnam". "Lai" còn được phát âm gần giống "like" (yêu thích) trong tiếng Anh.

Tiêu đề này có sử dụng cách chơi chữ để nhấn mạnh rằng những người học tiếng Việt là đã bắt đầu chịu ảnh hưởng, tác động của văn hóa Việt Nam

* Poster trình bày tại Learning Summit 2022, Đại học Vin và Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

và yêu thích Việt Nam, gần gũi, gắn bó với Việt Nam.

3.2. Đặc điểm của trò chơi

Mục tiêu của trò chơi phiêu lưu (adventure game) - chương trình học mà chơi – là mang lại trải nghiệm tuyệt vời cho người chơi, giúp họ học ngôn ngữ thông qua quá trình khám phá và tìm hiểu về văn hóa, lịch sử và cảnh quan đa dạng của Việt Nam. Dưới đây là một số đặc điểm của trò chơi "I Lai Vietnam":

Cốt truyện và mục tiêu:

Trong trò chơi, người chơi sẽ nhập vai vào một nhân vật và tham gia vào các nhiệm vụ khác nhau trên khắp Việt Nam. Mục tiêu chính của trò chơi là khám phá, giải các câu đố và hoàn thành các nhiệm vụ để tiến bộ trong câu chuyện và khám phá các địa điểm mới. Khi thực hiện các nhiệm vụ, người chơi/ người học sẽ được “đào tạo” về các kĩ năng ngôn ngữ để hoàn thành nhiệm vụ. Ví dụ: Khi người học được giao nhiệm vụ đến thăm một làng nào đó, để mở cổng làng, người chơi phải giải mật mã, sau khi nhập được mật mã công mới mở ra. Sau khi cổng mở rồi, người chơi ở trong làng, muốn có các đồ dùng sinh hoạt thì cần phải thực hiện nhiệm vụ mà trưởng làng giao cho, chẳng hạn, ghi nhớ tên của các công cụ nhà nông quen thuộc của Việt Nam để mang ra làm ðồng. Truyện lồng trong truyện, hoạt động nối tiếp hoạt động sẽ khiến người chơi “thâm nhập” vào câu

chuyện như một nhân vật chính và vì thế vừa học vừa chơi một cách tự nhiên.

Các tính năng của trò chơi:

Trò chơi "I lai Vietnam" cung cấp nhiều tính năng chơi hấp dẫn như khám phá, tương tác với nhân vật và môi trường, giải câu đố, chiến đấu, trang bị và nâng cấp nhân vật. Người chơi có thể tùy chỉnh nhân vật và lựa chọn các phương tiện di chuyển phù hợp như xe máy, xe hơi, thuyền,... Người chơi cũng có thể lựa chọn khu vực muốn trải nghiệm, trình độ ngôn ngữ muốn được đào tạo.

Người chơi/người học được sử dụng nguồn tiếp nhận (văn bản đọc, văn bản nghe, hình ảnh, video) và tương tác (đánh máy, ghi âm, viết tay) đa dạng nhằm học tập và nâng cao các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết một cách hoàn chỉnh.

Người chơi/người học được tương tác với các nhân vật trong trò chơi, với các nhân vật trợ giúp, với người dạy học khi được yêu cầu. Học sinh tham gia vào các lớp học có giờ học với giáo viên và có tương tác với các bạn chơi khác cùng sở thích với mình.

Giá trị giáo dục của trò chơi:

"I lai Vietnam" không chỉ mang tính giải trí mà còn đóng vai trò giáo dục vì: (1) giúp người chơi học tiếng Việt; (2) giúp người chơi tìm hiểu về văn hóa, lịch sử và địa lý Việt Nam; (3) giúp người chơi tương tác với những người cùng sở thích, phát triển kĩ năng xã hội;

(4) giúp người chơi hướng tới các hành vi có tính nhân văn, giáo dục cảm xúc xã hội. Trò chơi cũng thúc đẩy khả năng tư duy, phản xạ và khả năng giải quyết vấn đề của người chơi.

Cá nhân hóa người học:

"I lai Vietnam" có các mô-đun khác nhau ở các vùng miền khác nhau ở các trình độ học khác nhau. Người học có thể chọn lựa các mô-đun học theo nhu cầu, sở thích của cá nhân. Người học cũng được lựa chọn hình thức tương tác với trợ giúp của trợ lí ảo, trợ giúp của giáo viên thật dựa vào nhu cầu và khả năng của bản thân.

Hình ảnh và âm thanh:

"I lai Vietnam" dự kiến sử dụng bản đồ và đồ họa chất lượng cao, giống với thực tế và cố gắng phục dựng các không gian xưa, sáng tạo các không gian tưởng tượng phù hợp với văn hóa, thuần phong mỹ tục của người Việt. Người chơi sẽ được trải nghiệm cảnh quan đa dạng từ nông thôn đến thành phố lớn, từ rừng núi đến bãi biển, từ không gian có thật trong thế giới ảo, không gian tưởng tượng của các câu chuyện cổ tích hấp dẫn và chân thực.

Kế hoạch phát triển

Trò chơi sẽ luôn cập nhật thêm các mô-đun mới với các nội dung mới và các tính năng mới, giúp cho người chơi được trải nghiệm những vùng đất mới, những câu chuyện mới. Hơn thế, đội ngũ phát triển sẽ lắng nghe ý kiến đóng góp từ cộng đồng người chơi và cung cấp hỗ trợ kĩ thuật, chỉnh sửa sao cho

phù hợp với nhu cầu, thị hiếu nhưng vẫn đảm bảo tính giáo dục và tính khoa học trong nội dung các bài học.

4. Kết luận

Nhu cầu học tiếng Việt không phải là tiếng mẹ đẻ ngày một tăng cao do nhu cầu về hợp tác, học tập, tôn giáo, kết hôn, văn hóa, kết nối, ... từ người nước ngoài, người Việt ở hải ngoại, học sinh và sinh viên Việt Nam trong các trường quốc tế tại Việt Nam. Đó vừa là cơ hội nhưng cũng vừa là thách thức đối với ngành dạy tiếng Việt. Dạy học tiếng Việt trực tuyến trở thành một trong những giải pháp khá hữu hiệu nhằm giải quyết vấn đề thiếu hụt nguồn nhân lực dạy học. Tuy nhiên, dạy học trực tuyến, giáo viên dạy trực tiếp hay tham gia làm các bài tập thụ động tại các ứng dụng vẫn chưa đủ hấp dẫn người học. Để các chương trình dạy học trực tuyến thêm hiệu quả, hấp dẫn người học, nhóm nghiên cứu chúng tôi tìm đến kĩ thuật thực tế ảo kết hợp với trò chơi phiêu lưu. Ý tưởng về một trò chơi có tên "I lai Vietnam" có tham vọng giải quyết những nhược điểm của các ứng dụng dạy học hiện tại như cung cấp đầy đủ các hình thức tương tác, cung cấp đầy đủ các kĩ năng, thực hiện việc học thông qua trò chơi sống động. Với mong muốn người học có thể học ở bất cứ nơi đâu, học bất cứ khi nào, kết nối với bất cứ ai họ muốn, và học cái gì họ muốn, họ cần một cách sinh động và linh hoạt, "I lai Vietnam" hi vọng sẽ sớm giúp nhiều người học tiếng Việt thấy mình đến gần hơn với ngôn ngữ và văn hóa

Việt, sớm “lai” người Việt và sớm “like” (thích) ngôn ngữ và văn hóa Việt.

Tài liệu tham khảo

- [1] Cummins, J. (1983). Heritage language education: A literature review. Toronto: Ministry of Education.
- [2] Cummins, J. (2005). A Proposal for Action: Strategies for Recognizing Heritage Language Competence as a Learning Resource within the Mainstream Classroom 89 (4). 585-592
- [3] Dörnyei, Z. and P. Skehan (2003). Individual differences in L2 learning. In eds. C.J. Doughty, and M.H. Long, *The Handbook of Second Language Acquisition*. Oxford: Blackwell Publishing Ltd. 589-630.
- [4] Gass, S.M., and Selinker, L. (2008). *Second language acquisition: An introductory course*. New York and London: Routledge
- [5] Hattie, J., & Zierer, K. (2018). *10 Mindframes for Visible Learning: Teaching for Success*. Routledge.
- [6] Hoàng Khê (2004). *Từ điển tiếng Việt*. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng
- [7] Lê Văn Lợi (2021). Ngoại ngữ và ngôn ngữ di sản: Một số quan điểm và thách thức. *Tạp chí Khoa học Ngôn ngữ Việt Nam*, 107, 8-13.
- [8] Merchant, Z., Goetz, E. T., Cifuentes, L., Keeney-Kennicutt, W., & Davis, T. J. (2014). Effectiveness of virtual reality-based instruction on students' learning outcomes in K-12 and higher education: A meta-analysis. *Computers & Education*, 70, 29-40.
- [9] Dewailly, M. (2007). Sustainable tourist space: From reality to virtual reality? *Tourism Geographie*, 1, 41-55
- [10] Lee, A. and Perez A. (2008). The effects of changing resources on game performance, subjective workload, and strategies, in Harry O'Neil, Harry O'Neil, Ray Perez. *Computer Games and Team and Individual Learning*. Amsterdam: Elsevier. 169-184
- [11] Pan, Z., Cheok, A., Yang H., Zhu J. & Shi, J. (2006). Virtual reality and mixed reality for virtual learning environments, *Computers & Graphics*, 30:1, 20-28.
- [12] Pawlak M. (2012). Individual Differences in Language Learning and Teaching: Achievements, Prospects and Challenges, in A. Nizgorodcew and M. Pawlak. *New Perspectives on Individual Differences in Language Learning and Teaching*. Springer-Verlag. Xix-xlvi
- [13] Rothman, J. (2009). Understanding the nature and outcomes of early bilingualism: Romance languages as heritage languages. *International Journal of Bilingualism*. 13 (2). 155-163
- [14] Trần Thị Minh (2019). Vietnamese heritage language: written performance of Vietnamese-German adolescents in Germany. Dissertation at University of Hamburg.